

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

HỒ SƠ YÊU CẦU

Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin

**Tên gói thầu: Gói dịch vụ du lịch số 1: Chương trình tham quan, du lịch
“Hà Nội – Đà Nẵng – Hội An – Hà Nội” năm 2022**

Hình thức lựa chọn: Chào hàng cạnh tranh thông thường

Phát hành từ: 15h00 phút ngày 14/6/2022.

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 871/QĐ-TMB ngày 13 tháng 6 năm 2022
của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin)*

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2022

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI THẦU



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC VÙNG**

Phạm Ngọc Bảo

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Bên mời thầu	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin
KH SXKD	Kế hoạch sản xuất kinh doanh
ĐKHĐ	Điều kiện của Hợp đồng
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam
Nghị định 63/CP	Nghị định 63/2014/NĐ-CP

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin
- Tên gói thầu: Gói dịch vụ du lịch số 1: Chương trình tham quan, du lịch “Hà Nội – Đà Nẵng – Hội An – Hà Nội” năm 2022.

Thông tin về gói thầu:

- + Thời gian đi: 05 ngày 04 đêm.
 - + Địa điểm tham quan: *Có chương trình chi tiết kèm theo HSYC này.*
 - + Số lượng người dự kiến: 110 người.
2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Hạch toán quỹ phúc lợi, Chi phí sản xuất kinh doanh và kinh phí tự đóng góp tùy theo từng đối tượng.
 3. Loại hợp đồng: Trọn gói.
 4. Thời gian thực hiện Hợp đồng: 90 ngày (dự kiến từ tháng 6 đến tháng 9/2022).

Mục 2. Hành vi bị cấm

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự chào hàng theo quy định của TKV và Công ty và luật đấu thầu;
5. Bảo đảm cạnh tranh trong chào hàng theo quy định như sau:
 - Nhà cung cấp tham dự chào hàng là doanh nghiệp thì phải không có cổ phần hoặc vốn góp với chủ đầu tư.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, Nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu muộn nhất vào trước ngày có thời điểm đóng thầu 03 ngày làm việc. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của Nhà cung cấp, Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các Nhà cung cấp khác đã nhận HSYC từ Bên mời thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên Nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Bên mời thầu tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, Bên mời thầu sẽ gửi quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các Nhà cung cấp đã nhận HSYC không muộn hơn tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng gói thầu, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì Bên mời thầu phải gia hạn thời điểm đóng gói thầu tương ứng.

Nhằm giúp Nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi HSDX, Bên mời thầu có thể gia hạn thời điểm đóng gói thầu quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn Nhà cung cấp bằng việc sửa đổi HSYC.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.
2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.
3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa Bên mời thầu và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

HSDX do Nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu;
2. Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu;
3. Thỏa thuận liên danh nếu là Nhà cung cấp liên danh theo Mẫu số 03 - Biểu mẫu;
4. Bảo lãnh dự gói thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04b Chương III - Biểu mẫu;
5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của Nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp;
6. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu;
7. Bản kê khai thông tin nhà thầu theo Mẫu số 06a hoặc 06b Chương III – Biểu mẫu;
8. Kê khai hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Mẫu số 07 Chương III – Biểu mẫu;
9. Kê khai hợp đồng tương tự theo Mẫu số 08 Chương III – Biểu mẫu;
10. Các nội dung khác (nếu có);

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà cung cấp phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, Nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng gói thầu. Thư giảm giá sẽ được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của Nhà cung cấp;

trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở cung cấp thì không có giá trị.

4. Giá chào của Nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 30 ngày trước ngày có thời điểm nộp hồ sơ theo quy định. Trường hợp Nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì Nhà cung cấp có thể chào một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà cung cấp phải chào đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 30 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng gói thầu. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị các Nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu Nhà cung cấp gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu Nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của Nhà cung cấp này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này Nhà cung cấp được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 9. Bảo đảm dự gói thầu

1. Nhà cung cấp phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng gói thầu theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho Nhà cung cấp độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho Nhà cung cấp liên danh theo quy định tại HSYC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự gói thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu (làm tròn): 31.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi một triệu đồng).

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 45 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng gói thầu.

3. Bảo lãnh chào hàng được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục này, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 8 Điều 11 Luật đấu thầu và khoản 1 Điều 19 Nghị định 63/CP.

Mục 10. Quy cách HSDX

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ

SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của Nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói thầu, tên Nhà cung cấp, tên Bên mời thầu. Bên mời thầu có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của Nhà cung cấp.

3. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng Nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng Nhà cung cấp thì HSDX của Nhà cung cấp bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là 15 giờ 00 phút ngày 20 tháng 6 năm 2022.

2. Bên mời thầu sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả Nhà cung cấp nộp HSDX trước thời điểm đóng gói thầu, kể cả trường hợp Nhà cung cấp chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì Nhà cung cấp phải trả cho Bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC khi HSDX được tiếp nhận. Trường hợp Nhà cung cấp nộp HSDX sau thời điểm đóng gói thầu thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho Nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, Nhà cung cấp có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp đến Bên mời thầu trước thời điểm đóng gói thầu.

Trước thời điểm đóng gói thầu, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì Nhà cung cấp nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho Bên mời thầu với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp.

Mục 12. Mở thầu

1. Bên mời thầu tiến hành mở công khai HSDX của các Nhà cung cấp vào lúc 15 giờ 15 phút ngày 20 tháng 06 năm 2022 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin, địa chỉ: Số 05 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội trước sự chứng kiến của các Nhà cung cấp tham dự lễ mở thầu. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện Nhà cung cấp tham dự chào hàng.

2. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của Nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên Nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói thầu. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở cung cấp, trừ các HSDX nộp sau thời điểm đóng thầu.

3. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các Nhà cung cấp tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của Nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các Nhà cung cấp tham dự chào hàng đúng quy định.

Mục 13. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở thầu, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu, Bên mời thầu sẽ có văn bản yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ HSDX của Nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình đến Bên mời thầu sau ngày có thời điểm đóng gói thầu là 03 ngày. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà cung cấp phụ

1. Trường hợp Nhà cung cấp cần sử dụng Nhà cung cấp phụ thì phải kê khai danh sách Nhà cung cấp phụ theo 06b Chương III - Biểu mẫu. Việc sử dụng Nhà cung cấp phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của Nhà cung cấp chính. Nhà cung cấp chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do Nhà cung cấp phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung Nhà cung cấp phụ ngoài danh sách Nhà cung cấp phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Bên mời nhà cung cấp chấp thuận.

2. Nhà cung cấp chính chỉ được sử dụng Nhà cung cấp phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho Nhà cung cấp phụ không vượt quá 10% giá chào của Nhà cung cấp.

3. Nhà cung cấp phụ đặc biệt: Không được phép sử dụng.

Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn Nhà cung cấp

Nội dung ưu đãi trong lựa chọn Nhà cung cấp được thực hiện theo Điều 6 Nghị định

Mục 16. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX, HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của Nhà cung cấp; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung Nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời chào hàng nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với bảng chi tiết thì Bên mời thầu yêu cầu Nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo Bên mời thầu xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ chi tiết hoặc đơn giá của Nhà cung cấp khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của Nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá chào hàng thấp nhất trong số các HSDX của Nhà cung cấp khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất Nhà cung cấp này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do Nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn Nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời nhà cung cấp xem xét, quyết định mời Nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 17. Điều kiện xét duyệt Nhà cung cấp được lựa chọn

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị được lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng gói thầu không vượt dự toán gói thầu được phê duyệt.

Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn Nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả Nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện và đăng tải kết quả lựa chọn Nhà cung cấp trên website Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin thanmienbac.vn theo quy định.
2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp, nếu Nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 03 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, Bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp.

Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của Nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, Bên mời nhà cung cấp tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Kết quả xác minh khẳng định là Nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế Nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì Nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Bên mời nhà cung cấp sẽ hủy quyết định trúng gói thầu trước đó và mời Nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.
3. Bên mời nhà cung cấp phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 20. Thay đổi khối lượng dịch vụ: Vào thời điểm ký kết hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV - Yêu cầu đối với gói thầu với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá *10% khối lượng hàng hóa, dịch vụ nêu trong phạm vi cung cấp* và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSYC và HSDX.

Mục 21. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, Nhà cung cấp được lựa chọn phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSYC này. Trường hợp Nhà cung cấp sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 13 Chương VI hoặc một mẫu khác được Bên mời thầu chấp thuận.
2. Nhà cung cấp không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:
 - a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;

- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 22. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn Nhà cung cấp

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn Nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Bên mời thầu:

- Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin
- Địa chỉ: Số 05 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.864.2793.

Mục 23. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn Nhà cung cấp: Không áp dụng.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn Nhà cung cấp;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của Nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
 - b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với Nhà cung cấp liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
 - c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
 - d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời nhà cung cấp, Bên mời thầu;
 - đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn Nhà cung cấp;
 - e) Có bảo đảm dự gói thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn Nhà cung cấp;
 - g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là Nhà cung cấp chính (Nhà cung cấp độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
 - h) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
 - i) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn Nhà cung cấp.
- Nhà cung cấp có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp độc lập	Nhà cung cấp liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 ⁽¹⁾ đến thời điểm đóng gói thầu, nhà cung cấp không có hợp đồng không hoàn thành ⁽²⁾ . (trừ những hợp đồng không hoàn thành do lý do bất khả kháng như dịch bệnh ...)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 07
2	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự ⁽³⁾ mà nhà cung cấp đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn ⁽⁴⁾ với tư cách là nhà cung cấp chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà cung cấp phụ ⁽⁵⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến thời điểm đóng thầu: (i) số lượng hợp đồng tối thiểu là 3, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là: 500.000.000 VNĐ, tổng giá trị các hợp đồng tối thiểu là 2.000.000.000 đồng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (trưng ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 08
3	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động cung cấp dịch vụ	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là 2.000.000.000 VNĐ, tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 hoặc trong vòng 03 năm trở lại đây. Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ mà nhà thầu nhận được trong năm đó.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 10

Ghi chú:

(1) Ghi số năm, thông thường là từ 3 đến 5 năm trước năm có thời điểm đóng gói thầu.

(2) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị Bên mời thầu kết luận nhà cung cấp không hoàn thành và nhà cung cấp không phản đối;

- Hợp đồng bị Bên mời thầu kết luận nhà cung cấp không hoàn thành, không được nhà cung cấp chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà cung cấp.

(3) Hợp đồng tương tự là hợp đồng có tính chất tương tự với gói thầu đang xét;

- Trường hợp trong HSYC yêu cầu nhà cung cấp đã thực hiện từ hai hợp đồng tương tự trở lên thì nhà cung cấp phải đáp ứng tối thiểu một hợp đồng với quy mô, tính chất tương tự gói thầu đang xét. Quy mô của các hợp đồng tương tự tiếp theo được xác định bằng cách cộng các hợp đồng có quy mô nhỏ hơn nhưng phải bảo đảm các hợp đồng đó có tính chất tương tự với các hạng mục cơ bản của gói thầu đang xét.

- Đối với các công việc đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà cung cấp trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá của hợp đồng tương tự trong khoảng 50%-70% giá của gói thầu đang xét.

- Đối với gói thầu phi tư vấn có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì quy mô hợp đồng tương tự được xác định bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm.

(4) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(5) Với các hợp đồng mà nhà cung cấp đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà cung cấp phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà cung cấp thực hiện.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Giấy phép hoạt động du lịch lữ hành do cơ quan chức năng cấp	Có giấy phép	Không có giấy phép
2	Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, phương án tổ chức cung cấp dịch vụ, trong đó phải đáp ứng được tất cả các yêu cầu sau:		

2.1	Xây dựng chương trình du lịch đáp ứng yêu cầu của Bên mời nhà cung cấp (Theo yêu cầu tại bảng yêu cầu kỹ thuật tại Mục 2 Chương IV- Yêu cầu đối với gói thầu)	Chương trình du lịch được xây dựng chi tiết, lịch trình tham quan đầy đủ các địa điểm (theo mục yêu cầu về kỹ thuật), được đánh giá là đáp ứng yêu cầu của HSYC	Chương trình du lịch được xây dựng sơ sài, lịch trình tham quan không đầy đủ, được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của HSYC
2.2	Hướng dẫn viên	Có thể hướng dẫn viên do Tổng cục du lịch cấp và có thời gian làm hướng dẫn viên du lịch tối thiểu 2 năm.	Không có thể hướng dẫn viên do Tổng cục du lịch cấp hoặc thời gian làm hướng dẫn viên du lịch dưới 2 năm.
3	Uy tín của nhà cung cấp thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó	Không có hợp đồng tương tự bị đánh giá là kém chất lượng, bị phạt, bồi thường hoặc bị hủy do lỗi của Nhà cung cấp.	Có hợp đồng tương tự bị đánh giá là kém chất lượng bị phạt, phải bồi thường hoặc bị hủy do lỗi của Nhà cung cấp.

Nhà cung cấp được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, và 3 trên, được đánh giá là đạt. Trường hợp Nhà cung cấp không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, và 3 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 15 Chương I - Chỉ dẫn Nhà cung cấp;

Bước 6: Xếp hạng Nhà cung cấp. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc

khác thuộc gói thầu, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá Nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của Nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSĐX của Nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSĐX của Nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSĐX của các Nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một Nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSĐX của Nhà cung cấp này; trường hợp HSĐX của Nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp Nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG ⁽¹⁾

Ngày: _____

Tên gói thầu: _____

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ *[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ *[Ghi tên Nhà cung cấp]*, có địa chỉ tại _____ *[Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp]* cam kết thực hiện gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* ⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ *[Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói thầu]* ⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là Nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày ⁽⁴⁾, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ ⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, Nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời nhà cung cấp.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày đóng gói thầu theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp

tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp Nhà cung cấp là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với Nhà cung cấp độc lập. Nếu Nhà cung cấp được lựa chọn, trước khi ký kết hợp đồng, Nhà cung cấp phải trình Bên mời nhà cung cấp bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên Nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của Nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự gói thầu gói thầu _ [Ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch _ [Ghi tên kế hoạch] do _ [Ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự gói thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Bên mời nhà cung cấp nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên Nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên Nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của Nhà
cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của Nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của Nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của Nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

, ngày . tháng . năm

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc kế hoạch: _____ [Ghi tên kế hoạch]

Căn cứ⁽²⁾ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ];

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] phát hành ngày ____ [ghi ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại, số fax

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự gói thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch _____ [Ghi tên kế hoạch].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp Nhà cung cấp được lựa chọn, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Bên mời nhà cung cấp theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch _____ [Ghi tên kế hoạch] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽³⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự gói thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp Nhà cung cấp có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà cung cấp liên danh không được lựa chọn;

- Hủy gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc kế hoạch ____ [Ghi tên kế hoạch] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

BẢO LÃNH DỰ GÓI THẦU ⁽¹⁾

(Áp dụng đối với Nhà cung cấp độc lập)

Bên thụ hưởng: ____ *[Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của Bên mời thầu]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ *[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ GÓI THẦU số: ____ *[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự gói thầu]*

Bên bảo lãnh: ____ *[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ____ *[Ghi tên Nhà cung cấp]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc kế hoạch ____ *[Ghi tên kế hoạch]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà cung cấp tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo Nhà cung cấp vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng gói thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;

2. Nhà cung cấp vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy gói thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo được lựa chọn của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự gói thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn Nhà cung cấp.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng gói thầu theo quy định tại Chỉ dẫn Nhà cung cấp.

BẢO LÃNH DỰ GÓI THẦU ⁽¹⁾*(Áp dụng đối với Nhà cung cấp liên danh)***Bên thụ hưởng:** ____ *[Ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]***Ngày phát hành bảo lãnh:** ____ *[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]***BẢO LÃNH DỰ GÓI THẦU số:** ____ *[Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự gói thầu]***Bên bảo lãnh:** ____ *[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ____ *[Ghi tên Nhà cung cấp]⁽²⁾* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói thầu ____ *[Ghi tên gói thầu]* thuộc kế hoạch ____ *[Ghi tên kế hoạch]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà cung cấp tham dự chào hàng cạnh tranh gói thầu này bằng một khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____ ⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo Nhà cung cấp vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng gói thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;

2. Nhà cung cấp vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy gói thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo được lựa chọn của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ *[Ghi đầy đủ tên của Nhà cung cấp liên danh]* vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự gói thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự gói thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực

của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự gói thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên Nhà cung cấp có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả Nhà cung cấp liên danh, ví dụ Nhà cung cấp liên danh A + B tham dự gói thầu thì tên Nhà cung cấp ghi là “Nhà cung cấp liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự gói thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ Nhà cung cấp liên danh A + B + C tham dự gói thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho Nhà cung cấp A thực hiện bảo đảm dự gói thầu cho cả liên danh thì tên Nhà cung cấp ghi là “Nhà cung cấp A (thay mặt cho Nhà cung cấp liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công Nhà cung cấp B thực hiện bảo đảm dự gói thầu cho Nhà cung cấp B và C thì tên Nhà cung cấp ghi là “Nhà cung cấp B (thay mặt cho Nhà cung cấp B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự gói thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn Nhà cung cấp.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng gói thầu theo quy định tại Chỉ dẫn Nhà cung cấp.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ CHÀO HÀNG

Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x5)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Hoạt động 1					M1
Hoạt động 2					M2
Hoạt động n	...				Mn
Tổng cộng giá dự chào hàng đã bao gồm dự phòng, thuế, phí, lệ phí (nếu có) (kết chuyển sang đơn dự gói thầu, trang số ...)					M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi phù hợp với các nội dung công việc theo quy định tại Chương IV Mục 2 - Yêu cầu đối với gói thầu.

Các cột (5), (6): do Nhà cung cấp chào. Nhà cung cấp ghi đơn giá dự gói thầu và thành tiền của từng công việc cụ thể. Giá dự gói thầu của Nhà cung cấp phải bao gồm chi phí dự phòng và đã bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng gói thầu theo quy định. Trường hợp Nhà cung cấp tuyên bố giá dự gói thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDX của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

Không tách riêng phần chi phí dự phòng mà Nhà cung cấp đã phân bổ trong giá dự gói thầu để xem xét, đánh giá trong quá trình đánh giá hồ sơ dự gói thầu về tài chính, thương mại.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên Nhà cung cấp: <i>[ghi tên Nhà cung cấp]</i>
<i>Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh</i>
Nơi Nhà cung cấp đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của Nhà cung cấp <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà Nhà cung cấp đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của Nhà cung cấp.

**BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN CỦA NHÀ CUNG CẤP
LIÊN DANH⁽¹⁾**

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên Nhà cung cấp liên danh:
Tên thành viên của Nhà cung cấp liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh
Tên: _____
Địa chỉ: _____
Số điện thoại/fax: _____
Địa chỉ e-mail: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà Nhà cung cấp đang hoạt động cấp.
2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

Ghi chú:

(1) Trường hợp Nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của Nhà cung cấp liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên Nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của Nhà cung cấp liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.			
<input type="checkbox"/> Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 01 tháng 01 năm ____ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Bên mời nhà cung cấp: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ Nhà cung cấp nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSĐX sẽ bị loại. Trường hợp Nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của Nhà cung cấp liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên Nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của Nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương__ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà Nhà cung cấp đảm nhiệm	[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]	[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương__ VND
Tên kế hoạch:	[ghi tên đầy đủ của kế hoạch có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Bên mời nhà cung cấp:	[ghi tên đầy đủ của Bên mời nhà cung cấp trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Bên mời nhà cung cấp]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSDX⁽²⁾.			
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
3. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Bên mời nhà cung cấp về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên bằng tài liệu chứng minh bao gồm: hợp đồng, biên bản, thanh lý, quyết toán hợp đồng...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ CUNG CẤP PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên cung phụ ⁽²⁾	Nhà cấp	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với Nhà cung cấp phụ ⁽⁶⁾
1						
2						
3						
4						
...						

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng Nhà cung cấp phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên Nhà cung cấp phụ. Trường hợp khi tham dự gói thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của Nhà cung cấp phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Bên mời nhà cung cấp.

(3) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho Nhà cung cấp phụ.

(4) Nhà cung cấp ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho Nhà cung cấp phụ.

(5) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị % công việc mà Nhà cung cấp phụ đảm nhận so với giá dự gói thầu.

(6) Nhà cung cấp ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, Nhà cung cấp phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM ⁽¹⁾

Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải ghi vào Mẫu này.

Thông tin được cung cấp phải là doanh thu hàng năm từ hoạt động cung cấp dịch vụ của nhà thầu hoặc của từng thành viên liên danh trong từng năm đối với công việc đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trên cơ sở các khoản tiền theo hóa đơn xuất cho nhà thầu hoặc cho từng thành viên liên danh.

Số liệu doanh thu hàng năm của nhà thầu trong 03 năm gần nhất	
Năm	Số tiền (VND)
Doanh thu bình quân hàng năm của nhà thầu⁽³⁾	

Ghi chú:

- (1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải ghi vào Mẫu này.
- (2) Bên mời thầu cần ghi thời hạn được mô tả tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.
- (3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI THẦU

Mục 1. Phạm vi cung cấp và kế hoạch thực hiện gói thầu

1. Phạm vi cung cấp

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng chào hàng	Mô tả dịch vụ ⁽¹⁾	Yêu cầu kết quả đầu ra	Ghi chú
1				Theo yêu cầu tại bảng yêu cầu kỹ thuật tại Mục 2 Chương IV- Yêu cầu đối với gói thầu		

2. Kế hoạch thực hiện

STT	Nội dung dịch vụ	Đơn vị	Số lượng	Tiến độ dự kiến thực hiện ⁽¹⁾	Yêu cầu kết quả đầu ra	Địa điểm thực hiện
1	Tổ chức du lịch hành trình “Hà Nội – Đà Nẵng – Hội An” (Chuyến 1).	Người				Theo yêu cầu tại bảng yêu cầu kỹ thuật tại Mục 2 Chương IV- Yêu cầu đối với gói thầu
2	Tổ chức du lịch hành trình “Hà Nội – Đà Nẵng – Hội An” (Chuyến 2).	Người				Theo yêu cầu tại bảng yêu cầu kỹ thuật tại Mục 2 Chương IV- Yêu cầu đối với gói thầu
3	Tổ chức du lịch hành trình “Hà Nội – Đà Nẵng – Hội An” (Chuyến 3).	Người				Theo yêu cầu tại bảng yêu cầu kỹ thuật tại Mục 2 Chương IV- Yêu cầu đối với gói thầu

4	Tổ chức du lịch hành trình “Hà Nội – Đà Nẵng – Hội An” (Chuyến 4).	Người				Theo yêu cầu tại bảng yêu cầu kỹ thuật tại Mục 2 Chương IV- Yêu cầu đối với gói thầu
---	--	-------	--	--	--	--

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Giới thiệu chung về kế hoạch và gói thầu

- a. Bên mời thầu: Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin
 - Tên gói thầu: Gói dịch vụ du lịch số 1: Chương trình tham quan, du lịch “Hà Nội – Đà Nẵng – Hội An – Hà Nội” năm 2022.

Thông tin về gói thầu:

+ Thời gian đi: 05 ngày 04 đêm.

+ Địa điểm tham quan: *Có chương trình chi tiết kèm theo HSYC này.*

+ Số lượng người dự kiến: **110 người**. Trong đó:

*) *Người lớn: 104 người;*

*) *Trẻ em từ 6 – 11 tuổi (70 giá tour) là: 3 người;*

*) *Trẻ em từ 2 – 5 tuổi (90% giá vé theo quy định của hãng) là: 1 người;*

*) *Trẻ e dưới 2 tuổi (thu 510.000 đồng/người) là: 2 người.*

b. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Hạch toán quỹ phúc lợi, Chi phí sản xuất kinh doanh và kinh phí tự đóng góp tùy theo từng đối tượng.

c. Loại hợp đồng: Trọn gói.

d. Thời gian thực hiện Hợp đồng: 90 ngày (Dự kiến tháng 6/2022 đến tháng 9/2022).

2.2. Yêu cầu về chất lượng dịch vụ

a. Phương tiện chuyên chở: Khử hồi máy bay và phương tiện đưa đón đoàn tại các điểm du lịch tham quan;

b. Phòng nghỉ: Khách sạn 4* tiêu chuẩn quốc tế trở lên, tiện nghi phòng tiêu chuẩn 02 khách người lớn/phòng (Nếu lẻ nam hoặc nữ ngủ 03 người/phòng).

c. Hướng dẫn viên: Chuyên nghiệp, có kiến thức, sức khỏe; Thuyết minh tiếng Việt tại các điểm trong hành trình.

d. Bảo hiểm du lịch theo quy định;

e. Hành trình và các điểm tham quan:

HÀ NỘI - ĐÀ NẴNG – HỘI AN – HÀ NỘI *(Hành trình 05 ngày và 04 đêm)*

NGÀY 01: HÀ NỘI – ĐÀ NẴNG

(Ăn trưa, tối)

Đón đoàn tại số 5 Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội đưa ra sân bay Nội Bài đáp chuyến bay VNAirline hoặc tương đương đi Đà Nẵng

(Khung giờ từ 07h đến 11h00, tùy đoàn).

11h00: Đoàn tới sân bay Đà Nẵng, phục vụ xe đón đủ tiêu chuẩn đưa đoàn đi Hội An.

12h00: ăn trưa tại nhà hàng phố Hội An

13h30. Làm thủ tục nhận phòng, nghỉ ngơi tại Vinpearl Nam Hội An

Chiều đoàn tự do tắm biển, nghỉ ngơi, sử dụng các tiện ích của Vinpearl Nam Hội An.

18h00: Đoàn ăn tối tại Vinpearl Nam Hội An.

19h30: Tham quan phố cổ Hội An, tham gia Show biểu diễn thực cảnh “Ký ức Hội An” một chương trình nghệ thuật đặc biệt với sự tham gia của 500 diễn viên trên sân khấu ngoài trời rộng 25.000 m², show diễn gây tiếng vang với du khách và truyền thông quốc tế.

20h30: Đoàn về lại Hội An. Nghỉ đêm tại Hội An

NGÀY 02: KHÁM PHÁ VINWONDER - SAFARI

(Ăn sáng, trưa, tối)

Sáng quý khách ăn sáng tại khách sạn.

08h30: Xe đón đoàn khám phá khu vui chơi Vinwonder hiện đại, với 6 phân khu, đảo văn hóa dân gian, vùng đất phiêu lưu, khu trò chơi cảm giác mạnh, khu các trò chơi dưới nước, thăm bên cảng nơi tái hiện cảnh giao thương bán buôn của Hội An xưa, đoàn đi thuyền trên dòng sông lười đến với vườn thú Safari, tương tác với voi, hươu cao cổ, chụp ảnh với nhà vệt.

11h30: Ăn trưa tại nhà hàng ở Hội An.

Chiều tiếp tục vui chơi khám phá tại Vinpearl Nam Hội An.

16h00: Đoàn đi Đà Nẵng, tới biển Mỹ Khê đoàn nhận phòng khách sạn, nghỉ ngơi.

18h30: Đoàn ăn tối tại nhà hàng ngoài khách sạn. Nghỉ đêm tại Đà Nẵng.

NGÀY 03: BÁN ĐẢO SƠN TRÀ – NGŨ HÀNH SƠN - DU THUYỀN SÔNG HÀN

(Ăn sáng, trưa, tối):

Sáng đoàn ăn sáng tại khách sạn.

08h00: Tham quan bán đảo Sơn Trà, thăm chùa Linh Ứng 3, nơi có tượng Phật Bà Quan Thế Âm, pho tượng cao tới 67m là điểm nhấn quan trọng của phòng thủy thành phố, ngắm toàn cảnh thành phố Đà Nẵng từ góc nhìn của tượng phật Bà.

09h30: Xe đưa đoàn khám phá Ngũ Hành Sơn, nơi hội tụ 5 ngọn núi đại diện cho ngũ hành Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, đoàn thăm hệ thống chùa trong động đá, chiêm ngưỡng hệ thống tượng phật độc đáo.

11h00: Thăm quan làng đá Non Nước, nơi có nghề điêu khắc đá tài ba với hệ thống tượng đá phong phú.

Tự do nghỉ ngơi, tắm biển, tắm hồ bơi, hoặc dạo bộ.

12h00: Đoàn ăn trưa tại nhà hàng ngoài khách sạn.

13h30: Xe đưa đoàn trở lại khách sạn.

Chiều nghỉ ngơi, tắm biển, tắm hồ bơi, tận hưởng các dịch vụ tiện ích của khách sạn 5*

18h30: Xe đưa đoàn ăn tối tại nhà hàng biển Mỹ Khê.

19h30: Sau bữa tối, đoàn lên *du thuyền thưởng ngoạn, dạo ngắm sông Hàn về đêm lung linh huyền ảo.*

21h00: Xe đón đoàn về lại khách sạn. Nghỉ đêm tại Đà Nẵng

NGÀY 04: THAM QUAN BÀ NÀ HILL

(Ăn sáng, trưa, tối)

Sáng đoàn ăn sáng tại khách sạn.

08h00: Xe đón đoàn đi thăm quan Bà Nà: đi cáp treo, tham gia các trò chơi cảm giác mạnh, phim 4D, tổ hợp vui chơi ngoài trời và dạo ngắm cảnh tại đây.

Đoàn ăn trưa tại Bà Nà Hill.

Chiều tham quan Cầu Vàng, một công trình kiến trúc đặc sắc của Việt Nam.

15h00: Xe đón đoàn trở về khách sạn, nghỉ ngơi, tắm biển.

18h00: Đoàn ăn tối tại nhà hàng và tham gia giao lưu Gala dinner. Nghỉ đêm tại Đà Nẵng.

NGÀY 05: ĐÀ NẴNG – HÀ NỘI

(Ăn sáng, trưa)

Sáng đoàn ăn sáng tại khách sạn.

Tự do nghỉ ngơi, sử dụng các tiện ích của khách sạn, hoặc đi mua sắm sản vật địa phương.

11h00: trả phòng khách sạn, ăn trưa.

Xe đưa đoàn ra sân bay Đà Nẵng đáp chuyến bay vào buổi chiều về Hà Nội

(Đoàn sẽ đáp các chuyến bay trong khung giờ từ 13h00 – 16h00)

Xe đón đoàn tại sân bay Nội Bài trở về điểm đón ban đầu, kết thúc chuyến đi.

Ghi chú: Điểm tham quan có thể sắp xếp lại cho phù hợp mà vẫn bảo đảm đầy đủ nội dung của từng chương trình.

GIÁ LANDTOUR TRỌN GÓI (VNĐ) CHO ĐOÀN KHOẢNG 25 KHÁCH

(Giá trên được tính cho dịp tháng 6, 7, 8, 9 năm 2022)

Khách sạn theo tiêu chuẩn sau hoặc tương đương	Giá Tour trọn gói (đồng/người)
Khách sạn 4* tiêu chuẩn quốc tế trở lên hoặc tương đương VNĐ

*** Giá tour bao gồm:**

- Chi phí xe máy lạnh phục vụ đón tiễn và theo chương trình, chất lượng tiêu chuẩn quốc tế.
- Chi phí khách sạn theo tiêu chuẩn (2 khách/phòng).
- Chi phí ăn tối thiểu 300.000 đ/ bữa chính (chưa bao gồm đồ uống).
- Chi phí ăn 01 bữa tại Bà Nà Hill theo vé gói vé Cáp Treo;
- Chi phí ăn tối thiểu 600.000 đ/bữa Gala tại nhà hàng;
- Chi phí set up âm thanh, ánh sáng, sân khấu, Karaoke, đạo cụ trò chơi cho Gala;
- Chi phí 02 bữa Buffet theo giá phòng;

- Chi phí tham quan (vé vào cửa 01 lần, Bà Nà Hill, Show kỹ thuật Hội An, du thuyền Sông Hàn, Vinpearl Nam Hội An, Ngũ Hành Sơn);
- Chi phí Hướng dẫn viên tiếng Việt đón tiễn và phục vụ suốt chương trình tại Đà Nẵng. (Bao gồm cả tiền tip cho nhân sự phục vụ)
- Quà tặng khăn, mũ, nước, bảo hiểm mức cao nhất 150.000.000 đồng/vụ.
- Vé máy bay hãng VietNam Airlines khứ hồi hoặc tương đương.
- Chi phí VAT

*** Giá tour không bao gồm:**

- Chi phí ngoài chương trình, giặt ủi, điện thoại và các chi phí cá nhân khác

• Giá landtour đối với trẻ em :

** Trẻ em từ 0- dưới 2 tuổi: Thu phí 510.000 đồng/người;*

** Trẻ em từ 02- 05 tuổi: Thu 90% giá vé máy bay (theo quy định của hãng);*

** Trẻ em từ 06- 11 tuổi: Thu 70% giá landtour;*

** Trẻ từ 12 tuổi trở lên: Thu 100% giá landtour;*

Chương V. ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

A. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Bên mời thầu” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Bên mời thầu và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong HSDX hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong HSDX; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Bên mời thầu chấp thuận;</p> <p>1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. “Dịch vụ phi tư vấn” bao gồm một hoặc một số hoạt động: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Đấu thầu;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng và được Bên mời thầu chấp thuận;</p> <p>1.11. “Địa điểm cung cấp dịch vụ” là địa điểm được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.12. “Bên” là Bên mời thầu hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp.</p>
2. Thứ tự ưu tiên	<p>Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>2.2. Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng;</p> <p>2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>2.4. ĐKCT;</p> <p>2.5. ĐKC;</p> <p>2.6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu;</p> <p>2.7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);</p> <p>2.8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.</p>

3. Luật và ngôn ngữ	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam;</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
4. Ủy quyền	<p>Trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT, Bên mời thầu có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.</p>
5. Thông báo	<p>5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT.</p> <p>5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Bên mời thầu không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT.</p> <p>6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p>
7. Nhà thầu phụ	<p>7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX, Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Bên mời thầu về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được quy định tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Bên mời thầu chấp thuận.</p> <p>7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDX.</p> <p>7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p>
8. Giải quyết tranh chấp	<p>8.1. Bên mời thầu và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.</p>
9. Phạm vi cung cấp	<p>Dịch vụ phi tư vấn bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.</p>
10. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn	<p>Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương I - Phạm vi gói thầu.</p>

11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>12.2. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.</p>
13. Điều chỉnh giá hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
15. Tạm ứng	<p>15.1. Bên mời thầu phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>15.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Bên mời thầu. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>15.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán.</p>
16. Thanh toán	<p>16.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Bên mời thầu thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>16.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p> <p>16.3. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p>
17. Sử dụng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên mời thầu, Nhà

<p>các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>17.2. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của dịch vụ phi tư vấn trong khuôn khổ Hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Bên mời thầu. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên mời thầu.</p>
<p>18. Phạt và Bồi thường thiệt hại</p>	<p>1. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 19 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên mời thầu có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường quy cho mỗi ngày chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện như quy định tại ĐKCT. Bên mời thầu sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Bên mời thầu có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 23 ĐKC.</p> <p>2. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót như quy định tại ĐKCT.</p>
<p>19. Bất khả kháng</p>	<p>19.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>19.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Bên mời thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên mời thầu phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>19.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.</p>
<p>20. Hiệu</p>	<p>20.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các</p>

chỉnh, bổ sung hợp đồng	<p>trường hợp sau:</p> <p>a) Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;</p> <p>b) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>c) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>20.2. Bên mời thầu và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>
21. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>21.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>21.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>21.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định;</p> <p>21.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.</p>
22. Chấm dứt hợp đồng	<p>22.1. Bên mời thầu hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p> <p>a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên mời thầu gia hạn;</p> <p>b) Bên mời thầu hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật Đấu thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;</p> <p>d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>22.2. Trong trường hợp Bên mời thầu chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 22.1 ĐKC, Bên mời thầu có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên mời thầu những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>22.3. Trong trường hợp Bên mời thầu chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 22.1 ĐKC, Bên mời thầu không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào, Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên mời thầu được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>
23. Phát hiện	<p>23.1. Bên mời thầu thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo</p>

<p>sai sót, khắc phục sai sót và Phạt thực hiện hợp đồng</p>	<p>nguyên tắc và cách thức như quy định tại ĐKCT. Bên mời thầu có thể hướng dẫn Nhà thầu tư đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Bên mời thầu cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại ĐKCT.</p> <p>23.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Bên mời thầu thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục.</p> <p>Khi nhận được thông báo của Bên mời thầu, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Bên mời thầu quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Bên mời thầu sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 18.</p>
<p>24. Nhân sự</p>	<p>24.1. Nhà thầu phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong HSĐX để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Bên mời thầu có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Bên mời thầu. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>24.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Bên mời thầu có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên mời thầu, trong thời gian quy định tại ĐKCT, Nhà thầu phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu.</p>

B. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Bên mời nhà cung cấp là: ____ <i>[ghi tên hợp pháp đầy đủ của Bên mời nhà cung cấp]</i> .
ĐKC 1.3	Nhà cung cấp: ____ <i>[ghi tên Nhà cung cấp trúng thầu]</i> .
ĐKC 1.11	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Các địa điểm tham quan du lịch tại Đà Nẵng – Hội An.
ĐKC 2.8	<p>Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Văn bản Hợp đồng (bao gồm các điều khoản hợp đồng) và các phụ lục kèm theo.2. Biên bản thương thảo và hoàn thiện hợp đồng.3. Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.4. HSYC của Bên A và HSDX của bên B.5. Các tài liệu khác liên quan.
ĐKC 4	Bên mời nhà cung cấp không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	<p>Các thông báo cần gửi về Bên mời nhà cung cấp theo địa chỉ dưới đây:</p> <p>Người nhận: Văn phòng – Tổng hợp.</p> <p>Địa chỉ: Số 05 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.</p> <p>Điện thoại: 0243.386.42793.</p>
ĐKC 6.1	<p>- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: <i>Nhà cung cấp cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc theo hình thức đặt cọc bằng Séc bảo chi. Trường hợp Nhà cung cấp nộp Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành thì phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 13 Chương VI - Biểu mẫu hợp đồng)]</i>.</p> <p>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: Khi thương thảo hợp đồng.</p> <p>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Khi thương thảo hợp đồng.</p>
ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Khi thương thảo hợp đồng.
ĐKC 7.1	Danh sách Nhà cung cấp phụ: <i>[ghi danh sách Nhà cung cấp phụ phù hợp với danh sách Nhà cung cấp phụ nêu trong HSDX]</i> .
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Nhà cung cấp phụ <i>[ghi yêu cầu khác về Nhà cung cấp phụ (nếu có)]</i> .
ĐKC 8.2	<p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: Mọi phát sinh liên quan đến bản hợp đồng này trước tiên được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải, thời gian hoà giải tối đa là 30 ngày.</p> <p>- Giải quyết tranh chấp: Trường hợp xảy ra tranh chấp các bên không tự giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong vòng 28 ngày kể từ ngày hết hạn thương lượng, hoà giải tranh chấp sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VIAC) theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Số lượng trọng tài viên là [một hoặc ba]. Địa điểm trọng tài là [Hà Nội, Việt Nam]. Ngôn ngữ trọng tài là [Tiếng Việt]; Luật áp dụng cho hợp đồng là [Việt Nam].</p>

ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng: ____ [<i>ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDX và trao hợp đồng</i>].
ĐKC 13	Điều chỉnh giá hợp đồng: Không áp dụng
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà cung cấp xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 15.1	Tạm ứng: Có.
ĐKC 16.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiệm thu: Theo số lượng người đi thực tế. - Thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có biên bản nghiệm thu và Bên A đã nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ. - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. - Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.
ĐKC 16.3	<p>Giảm trừ thanh toán: Có áp dụng, trường hợp chất lượng dịch vụ trong kỳ thanh toán không đảm bảo (Trừ trường hợp bất khả kháng), Nhà cung cấp sẽ bị giảm trừ thanh toán cho số ngày không đảm bảo chất lượng như sau:</p> <p>Số tiền giảm trừ = Giá trị hợp đồng/12 ngày * 1,5* số ngày không đảm bảo chất lượng</p>
ĐKC 18.1	<p>Mức bồi thường thiệt hại là bằng 1,5 lần chi phí Bên mời cung cấp thuê đối với số ngày Nhà cung cấp không cung cấp được dịch vụ.</p> <p>Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là 100% giá hợp đồng.</p>
ĐKC 18.2	Tỷ lệ % dùng để tính tiền phạt thực hiện hợp đồng là: 1% giá trị hợp đồng.
ĐKC 20.1(c)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: ____ [<i>nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)</i>].
ĐKC 21.4	Các trường hợp khác: ____ [<i>nêu cụ thể các nội dung khác (nếu có)</i>].
ĐKC 22.1(d)	Các hành vi khác: ____ [<i>nêu hành vi khác (nếu có)</i>].
ĐKC 23.1	<p>Bên mời nhà cung cấp thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Giám sát thực tế, đánh giá sau khi hoàn thành chuyển đi</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 2 ngày</p>
ĐKC 24.2	Thời gian Nhà cung cấp thực hiện việc thay thế nhân sự: 2 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Bên mời nhà cung cấp.

Chương VI. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà cung cấp trúng gói thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 11. Thư chấp thuận HS dự gói thầu và trao hợp đồng

Mẫu số 12. Hợp đồng

Mẫu số 13. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ GÓI THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà cung cấp trúng thầu, sau đây gọi tắt là "Nhà cung cấp"]

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự gói thầu và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời nhà cung cấp [ghi tên Bên mời nhà cung cấp, sau đây gọi tắt là "Bên mời nhà cung cấp"] về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp gói thầu: ____ [ghi tên, số hiệu gói thầu], Bên mời thầu [ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là "Bên mời thầu"] xin thông báo Bên mời nhà cung cấp đã chấp thuận hồ sơ dự gói thầu và trao hợp đồng cho Nhà cung cấp để thực hiện gói thầu [ghi tên, số hiệu gói thầu] với giá hợp đồng là: ____ [ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp] với thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Bên mời nhà cung cấp, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng], tại địa điểm [ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng];

- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ [ghi thời gian ký kết hợp đồng]; tại địa điểm [ghi địa điểm ký kết hợp đồng], gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà cung cấp thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 13 Chương III - Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời chào hàng với số tiền và thời gian hiệu lực ____ [ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà cung cấp phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà cung cấp phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà cung cấp vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời chào hàng. Bên mời nhà cung cấp sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà cung cấp trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà cung cấp không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà cung cấp không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà cung cấp sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự gói thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự gói thầu.

HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc kế hoạch: _____ [ghi tên kế hoạch]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] và thông báo chấp thuận HSĐX và trao hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà cung cấp trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Bên mời nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên A)

Tên Bên mời nhà cung cấp [ghi tên Bên mời nhà cung cấp]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà cung cấp: ____ [ghi tên Nhà cung cấp trúng thầu]:

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

¹ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với **ĐKCT**.

² Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. Thư chấp thuận hồ sơ dự gói thầu và trao hợp đồng;
3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp;
5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
6. Điều kiện chung của hợp đồng;
7. Hồ sơ dự gói thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự gói thầu của Nhà cung cấp trúng thầu (nếu có);
8. Hồ sơ mời chào hàng và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời chào hàng (nếu có);
9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].
2. Phương thức thanh toán: ____ [ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 16.1 ĐKCT].

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12 ĐKC]

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 10 ĐKC, HSĐX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].
 2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Bên mời nhà cung cấp giữ ____ bộ, Nhà cung cấp

giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ CUNG CẤP**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MỜI
NHÀ CUNG CẤP**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số ____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSYC, HSĐX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng gói thầu theo quy định.

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG(1)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____[ghi tên Bên mời nhà cung cấp]

(sau đây gọi là Bên mời nhà cung cấp)

Theo đề nghị của _____[ghi tên Nhà cung cấp] (sau đây gọi là Nhà cung cấp) là Nhà cung cấp đã trúng thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), Nhà cung cấp phải nộp cho Bên mời nhà cung cấp bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, _____[ghi tên của ngân hàng] ở _____[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ] có trụ sở đăng ký tại _____[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà cung cấp với số tiền là _____[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSYC]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Bên mời nhà cung cấp bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____[ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của Bên mời nhà cung cấp thông báo Nhà cung cấp vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Bên mời nhà cung cấp xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____[ghi tên Nhà cung cấp] (sau đây gọi là Nhà cung cấp) là Nhà cung cấp trúng thầu gói thầu _____[ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số _____[ghi số hợp đồng] ngày ____ tháng ____ năm (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 ĐKCT.